ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3239/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 30 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 07
Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo Văn bản số 150/UBND-ĐC ngày 18/8/2023 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 24/TTr-HĐBTGPMB ngày 28/8/2023 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết - Đợt 07).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 07 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **23.848.907.758 đồng** *(Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, tám trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm năm mươi tám đồng),* trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 23.381.282.116 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 467.625.462 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư để chi trả.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 07 kèm theo Tờ trình số 24/TTr-HĐBTGPMB ngày 28/8/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: 3239/QĐ-UBND
Thời gian ký: 30/08/2023 15:07:25 +07:00

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ - ĐỢT 07

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN HUYỆN TUY PHƯỚC

Địa điểm xây dựng: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
1	Phan Văn Út; Vợ: Nguyễn Thị Bày	2.000.000.000	19.314.000	447.421.831	59.498.143	12.628.900	3.000.000	38.628.000	232.000.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	**2.838.490.874**	
2	Nguyễn Tạo - Võ Thị Lợi (chết); Con: Nguyễn Thành Hiếu - Nguyễn Thành Chơn (kê khai)	1.460.400.000		526.591.558	77.378.378	8.363.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**2.101.732.936**	
3	Nguyễn Thành Chơn; Vợ: Võ Thị Sương	448.110.000		685.318.658	29.830.194	3.303.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.195.561.852**	
4	Phan Thị Chúc	628.800.000		431.377.073	8.331.718	912.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.098.420.791**	
5	Nguyễn Đình Minh (chết); Vợ: Trần Thị Dương	949.880.000		496.983.059	25.676.531	4.472.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.506.011.589**	
6	Huỳnh Văn Bộ; Vợ: Lê Thị Hiền Lan	411.840.000		735.869.924	42.073.852	1.450.400	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.220.234.176**	
7	Dương Văn An (chết); Vợ: Trương Thị Bích Liên	925.190.000		582.921.825	19.537.886	2.317.500	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.558.967.210**	
8	Dương Văn Mảnh; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết	491.400.000		172.525.249	12.593.941	3.259.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**708.778.190**	
9	Huỳnh Trợt (chết); Vợ: Lê Thị Cúc	2.000.000.000	216.450	869.497.496	40.799.587	3.439.700	3.000.000	432.900	2.600.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	**2.945.986.134**	
10	Võ Hữu Thành (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mai	958.620.000		122.347.832	5.670.758	1.866.600	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.117.505.190**	
11	Huỳnh Thị Còn (chết); Cháu nội: Võ Hữu Lộc (đại diện kê khai)	2.000.000.000	12.687.300	424.519.886	18.694.463	5.373.200	3.000.000	25.374.600	152.400.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	**2.668.049.450**	
12	Huỳnh Văn Tiến; Vợ: Nguyễn Thị Xanh	588.120.000		496.017.000	5.716.000	608.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.119.461.000**	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
13	Nguyễn Đình Tấn; Vợ: Nguyễn Thị Á	752.500.000		556.498.791	13.088.889	6.534.000	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.357.621.680**	
14	Nguyễn Thanh Minh; Vợ: Đào Thị Hoàng	494.572.000		292.600.526	33.077.829	3.481.500	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**852.731.855**	
15	Huỳnh Văn Cảnh; Vợ: Nguyễn Thị Kim Cúc	667.450.000		378.962.724	13.357.664	2.958.800	3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	**1.091.729.188**	
TỔNG CỘNG		**14.776.882.000**	**32.217.750**	**7.219.453.432**	**405.325.834**	**60.967.600**	**45.000.000**	**64.435.500**	**387.000.000**	**180.000.000**	**135.000.000**	**75.000.000**	**23.381.282.116**	
A	**TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**												**23.381.282.116**	
B	**CHI PHÍ GPMB (2% A):**												**467.625.642**	
C	**TỔNG CỘNG (A+B):**												**23.848.907.758**	

PHỤ LỤC 02:
DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT - ĐỢT 07
Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
1	Phan Văn Út; Vợ: Nguyễn Thị Bảy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**2.838.490.874**
2	Nguyễn Tạo - Võ Thị Lợi (chết); Con: Nguyễn Thành Hiếu - Nguyễn Thành Chơn (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**2.101.732.936**
3	Nguyễn Thành Chơn; Vợ: Võ Thị Sương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.195.561.852**
4	Phan Thị Chúc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.098.420.791**
5	Nguyễn Đình Minh (chết); Vợ: Trần Thị Dương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.506.011.589**
6	Huỳnh Văn Bộ; Vợ: Lê Thị Hiền Lan	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.220.234.176**
7	Dương Văn An (chết); Vợ: Trương Thị Bích Liên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.558.967.210**
8	Dương Văn Mảnh; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**708.778.190**
9	Huỳnh Trợt (chết); Vợ: Lê Thị Cúc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**2.945.986.134**
10	Võ Hữu Thành (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.117.505.190**
11	Huỳnh Thị Còn (chết); Cháu nội: Võ Hữu Lộc (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**2.668.049.450**
12	Huỳnh Văn Tiến; Vợ: Nguyễn Thị Xanh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.119.461.000**
13	Nguyễn Đình Tấn; Vợ: Nguyễn Thị Á	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.357.621.680**
14	Nguyễn Thanh Minh; Vợ: Đào Thị Hoàng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**852.731.855**
15	Huỳnh Văn Cảnh; Vợ: Nguyễn Thị Kim Cúc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	**1.091.729.188**
TỔNG CỘNG			**23.381.282.116**